

THÔNG BÁO

Phân công, giao nhiệm vụ quản lý và giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ

Căn cứ các Quyết định đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau công bố, cụ thể: Quyết định số 1277/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 công bố Danh mục thủ tục hành chính được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Cà Mau; Quyết định số 1313/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực viễn thông và internet; tần số vô tuyến điện; sở hữu trí tuệ; an toàn bức xạ và hạt nhân; tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; hoạt động khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cà Mau; Quyết định số 1711/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau; Quyết định số 0122/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Tần số vô tuyến điện thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cà Mau.

Nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính; cải cách thủ tục hành chính; kiểm soát thủ tục hành chính và đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong quá trình tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính tại Sở. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ phân công, giao nhiệm vụ các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc thực hiện tiếp nhận, quản lý và giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ cụ thể như sau:

- Văn phòng: 02 thủ tục hành chính;
- Phòng Quản lý khoa học: 22 thủ tục hành chính;
- Phòng Công nghệ số và Viễn thông: 44 thủ tục hành chính;
- Phòng Chuyên ngành và Bưu chính: 70 thủ tục hành chính;
- Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: 47 thủ tục hành chính;
- Trung tâm Chuyển đổi số: 03 TTHC.

(Chi tiết Phụ lục đính kèm)

Trên đây là Thông báo phân công, giao nhiệm vụ quản lý và giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ./.

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, (HT).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Ngô Hồng Thuận

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH PHÂN CÔNG GIAO NHIỆM VỤ QUẢN LÝ VÀ GIẢI QUYẾT
(Ban hành kèm theo Thông báo số: 38 /TB-SKHCHN ngày 14 tháng 7 năm 2025
của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cà Mau)

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố	Phòng/đơn vị quản lý và giải quyết	Cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
I	Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ					
01	2.002248.000.0 0.00.H12	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	- Quyết định số 753/QĐ-BKHCHN - Quyết định số 1277/QĐ-UBND	Phòng ngành chính Chuyên và Bưu	Sở Khoa học và Công nghệ	
02	2.002249.000.0 0.00.H12	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	- Quyết định số 753/QĐ-BKHCHN - Quyết định số 1277/QĐ-UBND	Phòng ngành chính Chuyên và Bưu	Sở Khoa học và Công nghệ	
03	2.002544.000.0 0.00.H12	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao	- Quyết định số 753/QĐ-BKHCHN - Quyết định số 1277/QĐ-UBND	Phòng ngành chính Chuyên và Bưu	Sở Khoa học và Công nghệ	
04	2.002546.000.0 0.00.H12	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao	- Quyết định số 753/QĐ-BKHCHN - Quyết định số 1277/QĐ-UBND	Phòng ngành chính Chuyên và Bưu	Sở Khoa học và Công nghệ	
05	2.002548.000.0 0.00.H12	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ	- Quyết định số 753/QĐ-BKHCHN	Phòng ngành chính Chuyên và Bưu	Sở Khoa học và Công nghệ	

		khuyến khích chuyển giao	- Quyết định số 1277/QĐ-UBND	chính		
06	2.001179.000.0 0.00.H12	Thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ	- Quyết định số 753/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1277/QĐ-UBND	Phòng Chuyên ngành và Bưu chính	Ủy ban nhân dân tỉnh	
07	2.002278.000.0 0.00.H12	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	- Quyết định số 753/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1277/QĐ-UBND	Phòng Quản lý Khoa học	Sở Khoa học và Công nghệ	
08	2.001525.000.0 0.00.H12	Thủ tục cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	- Quyết định số 753/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1277/QĐ-UBND	Phòng Quản lý Khoa học	Sở Khoa học và Công nghệ	
09	1.011812.000.0 0.00.H12	Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	- Quyết định số 753/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1277/QĐ-UBND	Phòng Chuyên ngành và Bưu chính	Ủy ban nhân dân tỉnh	
10	1.011818.000.0 0.00.H12	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực	- Quyết định số 753/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1277/QĐ-UBND	Trung tâm Chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	

		thuộc trung ương				
11	1.011820.000.0 0.00.H12	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước	- Quyết định số 753/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1277/QĐ-UBND	Trung tâm Chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	
12	1.011814.000.0 0.00.H12	Thủ tục hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	- Quyết định số 753/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1277/QĐ-UBND	Phòng Chuyên ngành và Bưu chính	Ủy ban nhân dân tỉnh	
13	1.011815.000.0 0.00.H12	Thủ tục mua sáng chế, sáng kiến	- Quyết định số 753/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1277/QĐ-UBND	Phòng Chuyên ngành và Bưu chính	Ủy ban nhân dân tỉnh	
14	1.011816.000.0 0.00.H12	Thủ tục hỗ trợ kinh phí hoặc mua công nghệ được tổ chức, cá nhân trong nước tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực	- Quyết định số 753/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1277/QĐ-UBND	Phòng Chuyên ngành và Bưu chính	Ủy ban nhân dân tỉnh	
15	1.001786.000.0 0.00.H12	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ	- Quyết định số 753/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1277/QĐ-UBND	Phòng Quản lý Khoa học	Sở Khoa học và Công nghệ	
16	1.001716.000.0 0.00.H12	Cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa	- Quyết định số 753/QĐ-BKHCN - Quyết định số	Phòng Quản lý Khoa học	Sở Khoa học và Công nghệ	

		học và công nghệ	1277/QĐ-UBND			
17	1.006427.000.0 0.00.H12	Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước	- Quyết định số 753/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1277/QĐ-UBND	Phòng Quản lý Khoa học	Sở Khoa học và Công nghệ	
18	3.000259.000.0 0.00.H12	Thủ tục đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam	- Quyết định số 753/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1277/QĐ-UBND	Phòng Quản lý Khoa học	Ủy ban nhân dân tỉnh	
19	1.008377.000.0 0.00.H12	Thủ tục xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ đối với cá nhân có thành tích vượt trội trong hoạt động khoa học và công nghệ	- Quyết định số 753/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1277/QĐ-UBND	Văn phòng Sở	- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định đối với (hạng I); - Sở Khoa học và Công nghệ (chức danh hạng II, (hạng III, hạng IV)	
20	1.011819.000.0 0.00.H12	Đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	- Quyết định số 753/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1277/QĐ-UBND	Trung tâm Chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	
21	2.001143.000.0 0.00.H12	Thủ tục hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường	- Quyết định số 753/QĐ-BKHCN	Phòng Chuyên ngành và Bưu	Ủy ban nhân dân tỉnh	

		khoa học và công nghệ.	- Quyết định số 1277/QĐ-UBND	chính		
22	2.001137.000.0 0.00.H12	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ	- Quyết định số 753/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1277/QĐ-UBND	Phòng Chuyên ngành và Bưu chính	Ủy ban nhân dân tỉnh	
23	1.002690.000.0 0.00.H12	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ	- Quyết định số 753/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1277/QĐ-UBND	Phòng Chuyên ngành và Bưu chính	Ủy ban nhân dân tỉnh	
24	2.001643.000.0 0.00.H12	Thủ tục hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương, để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	- Quyết định số 753/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1277/QĐ-UBND	Phòng Chuyên ngành và Bưu chính	Ủy ban nhân dân tỉnh	
25	2.002709.000.0 0.00.H12	Thủ tục xác định nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước	- Quyết định số 753/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1277/QĐ-UBND	Phòng Quản lý Khoa học	Ủy ban nhân dân tỉnh	
26	2.002710.000.0 0.00.H12	Thủ tục đăng ký tham gia tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước	- Quyết định số 753/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1277/QĐ-UBND	Phòng Quản lý Khoa học	Ủy ban nhân dân tỉnh	

27	2.002722.000.0 0.00.H12	Thủ tục xác định nhiệm vụ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước	- Quyết định số 753/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1277/QĐ-UBND	Phòng Quản lý Khoa học	Các Sở, Ngành cấp tỉnh; UBND các huyện thị xã, thành phố	Đề xuất Phòng tham mưu
28	2.002723.000.0 0.00.H12	Thủ tục đăng ký tham gia tuyển chọn nhiệm vụ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước	- Quyết định số 753/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1277/QĐ-UBND	Phòng Quản lý Khoa học	Các Sở, Ngành cấp tỉnh; UBND các huyện thị xã, thành phố	sửa đổi, bổ sung thẩm quyền các Sở, ngành và UBND các Phường, xã
29	2.002724.000.0 0.00.H12	Thủ tục đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước	- Quyết định số 753/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1277/QĐ-UBND	Phòng Quản lý Khoa học	Các Sở, Ngành cấp tỉnh; UBND các huyện thị xã, thành phố	
30	2.002711.000.0 0.00.H12	Thủ tục đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước	- Quyết định số 753/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1277/QĐ-UBND	Phòng Quản lý Khoa học	Ủy ban nhân dân tỉnh	
21	2.000079.000.0 0.00.H12	Thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người	- Quyết định số 753/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1277/QĐ-UBND	Phòng Quản lý Khoa học	Ủy ban nhân dân tỉnh	
32	2.002144.000.0 0.00.H12	Đánh giá đồng thời thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng	- Quyết định số 753/QĐ-BKHCN - Quyết định số	Phòng Quản lý Khoa học	Ủy ban nhân dân tỉnh	

		ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người	1277/QĐ-UBND			
33	1.012353.000.0 0.00.H12	Thủ tục xác định dự án đầu tư có hoặc không sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên	- Quyết định số 753/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1277/QĐ-UBND	Phòng Chuyên ngành và Bưu chính	Ủy ban nhân dân tỉnh	
34	1.008379.000.0 0.00.H12	Thủ tục xét đặc cách bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc năm công tác	- Quyết định số 753/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1277/QĐ-UBND	Văn phòng Sở	- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định đối với (chức danh hạng I); - Sở Khoa học và Công nghệ (chức danh hạng II, (hạng III, hạng IV)	
35	1.001747.000.0 0.00.H12	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ	- Quyết định số 753/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1277/QĐ-UBND	Phòng Quản lý Khoa học	Sở Khoa học và Công nghệ	
36	1.001677.000.0 0.00.H12	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận hoạt động cho	- Quyết định số 753/QĐ-BKHCN	Phòng Quản lý Khoa học	Sở Khoa học và Công nghệ	

		văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	- Quyết định số 1277/QĐ-UBND			
37	1.001770.000.0 0.00.H12	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ	- Quyết định số 753/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1277/QĐ-UBND	Phòng Quản lý Khoa học	Sở Khoa học và Công nghệ	
38	1.001693.000.0 0.00.H12	Cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	- Quyết định số 753/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1277/QĐ-UBND	Phòng Quản lý Khoa học	Sở Khoa học và Công nghệ	
39	1.013918	Chấp thuận chuyển giao công nghệ	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng Chuyên ngành và Bưu chính	Ủy ban nhân dân tỉnh	
40	1.013927	Cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ.	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng Chuyên ngành và Bưu chính	Ủy ban nhân dân tỉnh	
41	1.013931	Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ.	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng Chuyên ngành và Bưu chính	Ủy ban nhân dân tỉnh	
42	1.013933	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ.	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng Chuyên ngành và Bưu chính	Ủy ban nhân dân tỉnh	

43	1.013936	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ.	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng Chuyên ngành và Bưu chính	Ủy ban nhân dân tỉnh	
44	1.013939	Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ.	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng Chuyên ngành và Bưu chính	Ủy ban nhân dân tỉnh	
45	1.013940	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ.	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng Chuyên ngành và Bưu chính	Ủy ban nhân dân tỉnh	
46	1.013943	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ.	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng Chuyên ngành và Bưu chính	Ủy ban nhân dân tỉnh	
47	1.013944	Xác nhận phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất của dự án đầu tư.	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng Chuyên ngành và Bưu chính	Ủy ban nhân dân tỉnh	
48	1.013938	Cho phép thành lập và phê duyệt điều lệ của tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng Quản lý Khoa học	Ủy ban nhân dân tỉnh	
49	1.013941	Cấp Giấy phép thành lập lần	- Quyết định số	Phòng Quản lý	Ủy ban nhân	

		đầu cho Văn phòng đại diện, Chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài tại Việt Nam	1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Khoa học	dân tỉnh	
50	1.013920	Đề nghị thành lập tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc ở nước ngoài	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng Quản lý Khoa học	Ủy ban nhân dân tỉnh	
51	1.013926	Đề nghị thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ Việt Nam ở nước ngoài	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng Quản lý Khoa học	Ủy ban nhân dân tỉnh	
52	1.013957	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao cho tổ chức.	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng Chuyên ngành và Bưu chính	Ủy ban nhân dân tỉnh	
53	1.013960	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao cho cá nhân.	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng Chuyên ngành và Bưu chính	Ủy ban nhân dân tỉnh	
54	1.013961	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao.	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng Chuyên ngành và Bưu chính	Ủy ban nhân dân tỉnh	
55	1.013964	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao cho tổ chức.	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số	Phòng Chuyên ngành và Bưu chính	Ủy ban nhân dân tỉnh	

			1313/QĐ-UBND			
56	1.013969	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao cho cá nhân.	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng ngành chính Chuyên và Bưu	Ủy ban nhân dân tỉnh	
57	2.002794	Cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển	- Quyết định số 1446/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1722/QĐ-UBND	Phòng ngành chính Chuyên và Bưu	Ủy ban nhân dân tỉnh	
58	2.002794	Cấp giấy chứng nhận cơ sở ương tạo công nghệ cao, ương tạo doanh nghiệp công nghệ cao	- Quyết định số 1446/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1722/QĐ-UBND	Phòng ngành chính Chuyên và Bưu	Ủy ban nhân dân tỉnh	
II	Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ					
01	1.011939.0 00.00.00.H12	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	- Quyết định số 753/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1277/QĐ-UBND	Phòng ngành chính Chuyên và Bưu	Ủy ban nhân dân tỉnh	
02	1.011938.0 00.00.00.H12	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	- Quyết định số 753/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1277/QĐ-UBND	Phòng ngành chính Chuyên và Bưu	Ủy ban nhân dân tỉnh	
03	1.011937.0 00.00.00.H12	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	- Quyết định số 753/QĐ-BKHCN - Quyết định số	Phòng ngành chính Chuyên và Bưu	Ủy ban nhân dân tỉnh	

			1277/QĐ-UBND			
04	1.013916	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng chuyên ngành và Bưu chính	Ủy ban nhân dân tỉnh	
05	1.013919	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng chuyên ngành và Bưu chính	Ủy ban nhân dân tỉnh	
06	1.013922	Thủ tục thu hồi chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng chuyên ngành và Bưu chính	Ủy ban nhân dân tỉnh	
07	1.013924	Thủ tục ghi nhận tổ chức đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng chuyên ngành và Bưu chính	Ủy ban nhân dân tỉnh	
08	1.013925	Thủ tục ghi nhận người đại diện sở hữu công nghiệp	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng chuyên ngành và Bưu chính	Ủy ban nhân dân tỉnh	
09	1.013928	Thủ tục ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng chuyên ngành và Bưu chính	Ủy ban nhân dân tỉnh	

10	1.013942	Thủ tục xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng ngành chính và Chuyên Bưu	Ủy ban nhân dân tỉnh	
11	1.013954	Thủ tục xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng ngành chính và Chuyên Bưu	Ủy ban nhân dân tỉnh	
12	1.013955	Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng ngành chính và Chuyên Bưu	Ủy ban nhân dân tỉnh	
13	1.013956	Thủ tục cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng ngành chính và Chuyên Bưu	Ủy ban nhân dân tỉnh	
14	1.013958	Thủ tục cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng ngành chính và Chuyên Bưu	Ủy ban nhân dân tỉnh	
15	1.013959	Thủ tục thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng ngành chính và Chuyên Bưu	Ủy ban nhân dân tỉnh	
16	1.013963	Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công	- Quyết định số	Phòng ngành chính và Chuyên Bưu	Ủy ban nhân	

		ngiệp	1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	chính	dân tỉnh	
17	1.013966	Thủ tục cấp phó bản văn bằng bảo hộ và cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng Chuyên ngành và Bưu chính	Ủy ban nhân dân tỉnh	
18	1.013968	Thủ tục đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng Chuyên ngành và Bưu chính	Ủy ban nhân dân tỉnh	
19	1.013970	Thủ tục ghi nhận việc sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt trước thời hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng Chuyên ngành và Bưu chính	Ủy ban nhân dân tỉnh	
20	1.013972	Thủ tục cấp phó bản, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng Chuyên ngành và Bưu chính	Ủy ban nhân dân tỉnh	
21	1.013973	Thủ tục ra Quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế	- 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng Chuyên ngành và Bưu chính	Ủy ban nhân dân tỉnh	
22	1.013974	Thủ tục yêu cầu chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số	Phòng Chuyên ngành và Bưu chính	Ủy ban nhân dân tỉnh	

			1313/QĐ-UBND			
III	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng					
01	2.002253.0 00.00.00.H12	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân	- Quyết định số 753/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1277/QĐ-UBND	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường Chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	
02	2.001277.0 00.00.00.H12	Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành	- Quyết định số 753/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1277/QĐ-UBND	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường Chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	
03	2.001207.0 00.00.00.H12	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh	- Quyết định số 753/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1277/QĐ-UBND	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường Chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	
04	2.001209.0 00.00.00.H12	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận	- Quyết định số 753/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1277/QĐ-UBND	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường Chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	
05	2.001259.0 00.00.00.H12	Thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu.	- Quyết định số 753/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1277/QĐ-UBND	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường Chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	
06	1.001392.0	Thủ tục miễn giảm kiểm tra	- Quyết định số	Chi cục Tiêu chuẩn	Sở Khoa học và	

	00.00.00.H12	chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu.	753/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1277/QĐ-UBND	đo lường Chất lượng	Công nghệ	
07	2.001501.0 00.00.00.H12	Thủ tục cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp	- Quyết định số 753/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1277/QĐ-UBND	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường Chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	
08	2.000212.0 00.00.00.H12	Thủ tục công bố sử dụng dấu định lượng	- Quyết định số 753/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1277/QĐ-UBND	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường Chất lượng	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường Chất lượng	
09	1.000449.0 00.00.00.H12	Thủ tục điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng	- Quyết định số 753/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1277/QĐ-UBND	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường Chất lượng	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường Chất lượng	
10	2.001208.0 00.00.00.H12	Thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận	- Quyết định số 753/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1277/QĐ-UBND	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường Chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	
11	2.001100.0 00.00.00.H12	Thủ tục thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định	- Quyết định số 753/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1277/QĐ-UBND	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường Chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	
12	2.001269.0 00.00.00.H12	Thủ tục đăng ký tham dự sơ tuyển xét tặng Giải thưởng chất lượng Quốc gia	- Quyết định số 753/QĐ-BKHCN - Quyết định số	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường Chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	

			1277/QĐ-UBND			
13	3.000469	Thủ tục chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2	- Quyết định số 1466/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1711/QĐ-UBND	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường Chất lượng	Ủy ban nhân dân tỉnh	
14	3.000470	Thủ tục điều chỉnh quyết định chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2	- Quyết định số 1466/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1711/QĐ-UBND	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường Chất lượng	Ủy ban nhân dân tỉnh	
15	3.000471	Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường	- Quyết định số 1466/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1711/QĐ-UBND	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường Chất lượng	Ủy ban nhân dân tỉnh	
16	3.000488	Thủ tục chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường	- Quyết định số 1466/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1711/QĐ-UBND	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường Chất lượng	Ủy ban nhân dân tỉnh	
17	3.000472	Thủ tục điều chỉnh nội dung quyết định chứng nhận, cấp thẻ, cấp lại thẻ kiểm định viên đo lường	- Quyết định số 1466/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1711/QĐ-UBND	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường Chất lượng	Ủy ban nhân dân tỉnh	
18	3.000473	Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường	- Quyết định số 1466/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1711/QĐ-UBND	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường Chất lượng	Ủy ban nhân dân tỉnh	

19	3.000474	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa của tổ chức, cá nhân (đối với các giải thưởng do cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã - hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, Hội, Hiệp hội ở Trung ương, Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố tổ chức)	- Quyết định số 1466/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1711/QĐ-UBND	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường Chất lượng	Ủy ban nhân dân tỉnh	
20	3.000475	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn	- Quyết định số 1466/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1711/QĐ-UBND	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường Chất lượng	Ủy ban nhân dân tỉnh	
21	3.000476	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn	- Quyết định số 1466/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1711/QĐ-UBND	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường Chất lượng	Ủy ban nhân dân tỉnh	
22	3.000477	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ	- Quyết định số 1466/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1711/QĐ-UBND	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường Chất lượng	Ủy ban nhân dân tỉnh	

		chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho chuyên gia tư vấn độc lập				
23	3.000478	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho chuyên gia tư vấn độc lập	- Quyết định số 1466/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1711/QĐ-UBND	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường Chất lượng	Ủy ban nhân dân tỉnh	
24	3.000479	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức chứng nhận	- Quyết định số 1466/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1711/QĐ-UBND	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường Chất lượng	Ủy ban nhân dân tỉnh	
25	3.000480	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức chứng nhận	- Quyết định số 1466/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1711/QĐ-UBND	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường Chất lượng	Ủy ban nhân dân tỉnh	
26	3.000481	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống	- Quyết định số 1466/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1711/QĐ-UBND	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường Chất lượng	Ủy ban nhân dân tỉnh	

		hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn, chuyên gia tư vấn độc lập, tổ chức chứng nhận và thẻ cho chuyên gia trong trường hợp bị mất, hỏng hoặc thay đổi tên, địa chỉ liên lạc				
27	3.000482	Thủ tục cấp bổ sung thẻ chuyên gia tư vấn, thẻ chuyên gia đánh giá cho tổ chức tư vấn, tổ chức chứng nhận	- Quyết định số 1466/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1711/QĐ-UBND	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường Chất lượng	Ủy ban nhân dân tỉnh	
28	3.000483	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá thực hiện tư vấn, đánh giá tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước	- Quyết định số 1466/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1711/QĐ-UBND	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường Chất lượng	Ủy ban nhân dân tỉnh	
29	3.000484	Thủ tục đăng ký cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá thực hiện tư vấn, đánh giá tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước	- Quyết định số 1466/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1711/QĐ-UBND	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường Chất lượng	Ủy ban nhân dân tỉnh	
30	3.000485	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn,	- Quyết định số	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường Chất	Ủy ban nhân	

		đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá trong trường hợp bị mất, hỏng hoặc thay đổi tên, địa chỉ liên lạc	1466/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1711/QĐ-UBND	lượng	dân tỉnh	
31	3.000486	Thủ tục cấp Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố đủ năng lực thực hiện hoạt động đào tạo	- Quyết định số 1466/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1711/QĐ-UBND	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường Chất lượng	Ủy ban nhân dân tỉnh	
32	3.000487	Thủ tục cấp Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố bổ sung, điều chỉnh phạm vi đào tạo	- Quyết định số 1466/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1711/QĐ-UBND	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường Chất lượng	Ủy ban nhân dân tỉnh	
33	3.000450	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường Chất lượng	Ủy ban nhân dân tỉnh	
34	3.000463	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường Chất lượng	Ủy ban nhân dân tỉnh	
35	3.000452	Thủ tục chấm dứt hiệu lực hiệu lực của giấy chứng nhận đăng ký khi nhận được đề nghị không tiếp tục thực hiện toàn bộ lĩnh vực	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường Chất lượng	Ủy ban nhân dân tỉnh	

		hoạt động đã được chứng nhận đăng ký của tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm	1313/QĐ-UBND			
36	3.000453	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường Chất lượng	Ủy ban nhân dân tỉnh	
37	3.000451	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường Chất lượng	Ủy ban nhân dân tỉnh	
38	3.000454	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường Chất lượng	Ủy ban nhân dân tỉnh	
39	3.000455	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường Chất lượng	Ủy ban nhân dân tỉnh	
40	3.000456	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường Chất lượng	Ủy ban nhân dân tỉnh	
41	3.000457	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận	- Quyết định số	Chi cục Tiêu chuẩn	Ủy ban nhân	

		đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng	1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	đo lường Chất lượng	dân tỉnh	
42	3.000458	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường Chất lượng	Ủy ban nhân dân tỉnh	
43	3.000460	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường Chất lượng	Ủy ban nhân dân tỉnh	
44	3.000459	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường Chất lượng	Ủy ban nhân dân tỉnh	
45	3.000461	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường Chất lượng	Ủy ban nhân dân tỉnh	
46	3.000462	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường Chất lượng	Ủy ban nhân dân tỉnh	
47	3.000464	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường Chất lượng	Ủy ban nhân dân tỉnh	

			1313/QĐ-UBND			
IV	Lĩnh vực An toàn bức xạ và hạt nhân					
01	2.002385.0 00.00.00.H12	Thủ tục khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	- Quyết định số 753/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1277/QĐ-UBND	Phòng ngành chính Chuyên và Bưu	Ủy ban nhân dân tỉnh	
02	2.002379.0 00.00.00.H12	Thủ tục cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế)	- Quyết định số 753/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1277/QĐ-UBND	Phòng ngành chính Chuyên và Bưu	Ủy ban nhân dân tỉnh	
03	2.002380.0 00.00.00.H12	Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	- Quyết định số 753/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1277/QĐ-UBND	Phòng ngành chính Chuyên và Bưu	Ủy ban nhân dân tỉnh	
04	2.002381.0 00.00.00.H12	Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	- Quyết định số 753/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1277/QĐ-UBND	Phòng ngành chính Chuyên và Bưu	Ủy ban nhân dân tỉnh	
05	2.002382.0 00.00.00.H12	Thủ tục sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	- Quyết định số 753/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1277/QĐ-UBND	Phòng ngành chính Chuyên và Bưu	Ủy ban nhân dân tỉnh	
06	2.002383.0 00.00.00.H12	Thủ tục bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong	- Quyết định số 753/QĐ-BKHCN - Quyết định số	Phòng ngành chính Chuyên và Bưu	Ủy ban nhân dân tỉnh	

		y tế	1277/QĐ-UBND			
07	2.002384.0 00.00.00.H12	Thủ tục cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	- Quyết định số 753/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1277/QĐ-UBND	Phòng ngành chính Chuyên và Bưu	Ủy ban nhân dân tỉnh	
08	1.013951	Cấp giấy phép sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET, (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh.	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng ngành chính Chuyên và Bưu	Ủy ban nhân dân tỉnh	
09	1.013971	Cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ cho người phụ trách an toàn trong sử dụng thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET, (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh.	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng ngành chính Chuyên và Bưu	Ủy ban nhân dân tỉnh	
10	1.013948	Khai báo thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET, (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng ngành chính Chuyên và Bưu	Ủy ban nhân dân tỉnh	

		tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh.				
V	Lĩnh vực bưu chính					
01	1.003659.0 00.00.00.H12	Cấp giấy phép bưu chính	- Quyết định số 753/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1277/QĐ-UBND	Phòng ngành chính Chuyên và Bưu	Sở Khoa học và Công nghệ	
02	1.003687.0 00.00.00.H12	Sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính	- Quyết định số 753/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1277/QĐ-UBND	Phòng ngành chính Chuyên và Bưu	Sở Khoa học và Công nghệ	
03	1.003633.0 00.00.00.H12	Cấp lại giấy phép bưu chính khi hết hạn	- Quyết định số 753/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1277/QĐ-UBND	Phòng ngành chính Chuyên và Bưu	Sở Khoa học và Công nghệ	
04	1.004379.0 00.00.00.H12	Cấp lại giấy phép bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được	- Quyết định số 753/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1277/QĐ-UBND	Phòng ngành chính Chuyên và Bưu	Sở Khoa học và Công nghệ	
05	1.004470.0 00.00.00.H12	Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính	- Quyết định số 753/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1277/QĐ-UBND	Phòng ngành chính Chuyên và Bưu	Sở Khoa học và Công nghệ	
06	1.005442.0	Cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính	- Quyết định số	Phòng ngành chính Chuyên và Bưu	Sở Khoa học và	

	00.00.00.H12	khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được	753/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1277/QĐ-UBND	chính	Công nghệ	
07	1.010902.0 00.00.00.H12	Sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính	- Quyết định số 753/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1277/QĐ-UBND	Phòng Chuyên ngành và Bưu chính	Sở Khoa học và Công nghệ	
VI	Lĩnh vực Viễn thông và Internet					
01	1.013819	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng Công nghệ số và Viễn thông	Ủy ban nhân dân tỉnh	
02	1.013877	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng Công nghệ số và Viễn thông	Ủy ban nhân dân tỉnh	

		vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)				
03	1.013885	Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (có giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) khi ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn thông	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng Công nghệ số và Viễn thông	Ủy ban nhân dân tỉnh	
04	1.013888	Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số	Phòng Công nghệ số và Viễn thông	Ủy ban nhân dân tỉnh	

		phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (có giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)) khi ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn thông	1313/QĐ-UBND			
05	1.013912	Đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng Công nghệ số và Viễn thông	Ủy ban nhân dân tỉnh	
06	1.013897	Thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet, dịch vụ điện toán đám mây, dịch vụ thư điện tử, dịch vụ thư thoại, dịch vụ fax gia tăng giá trị	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng Công nghệ số và Viễn thông	Ủy ban nhân dân tỉnh	
07	1.013899	Cấp giấy phép cung cấp dịch	- Quyết định số	Phòng Công nghệ	Ủy ban nhân	

		vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	số và Viễn thông	dân tỉnh	
08	1.013900	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng Công nghệ số và Viễn thông	Ủy ban nhân dân tỉnh	
09	1.013901	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng Công nghệ số và Viễn thông	Ủy ban nhân dân tỉnh	
10	1.013902	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng Công nghệ số và Viễn thông	Ủy ban nhân dân tỉnh	

		trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.				
11	1.013903	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng Công nghệ số và Viễn thông	Ủy ban nhân dân tỉnh	
12	1.013904	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng Công nghệ số và Viễn thông	Ủy ban nhân dân tỉnh	

13	1.013905	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng Công nghệ số và Viễn thông	Ủy ban nhân dân tỉnh	
14	1.013906	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng Công nghệ số và Viễn thông	Ủy ban nhân dân tỉnh	
15	1.013907	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng Công nghệ số và Viễn thông	Ủy ban nhân dân tỉnh	
16	1.013976	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng Công nghệ số và Viễn thông	Ủy ban nhân dân tỉnh	

		viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)				
17	1.013908	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) và giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng Công nghệ số và Viễn thông	Ủy ban nhân dân tỉnh	
18	1.013909	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng Công nghệ số và Viễn thông	Ủy ban nhân dân tỉnh	
19	1.013913	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng Công nghệ số và Viễn thông	Ủy ban nhân dân tỉnh	
20	1.013914	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng Công nghệ số và Viễn thông	Ủy ban nhân dân tỉnh	

21	1.013915	Gia hạn chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng Công nghệ số và Viễn thông	Ủy ban nhân dân tỉnh	
22	1.013917	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng Công nghệ số và Viễn thông	Ủy ban nhân dân tỉnh	
23	1.013910	Phân bổ số thuê bao di động H2H theo phương thức đấu giá	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng Công nghệ số và Viễn thông	Ủy ban nhân dân tỉnh	
24	1.013911	Hoàn trả số thuê bao di động H2H được phân bổ theo phương thức đấu giá	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng Công nghệ số và Viễn thông	Ủy ban nhân dân tỉnh	
VII	Lĩnh vực Tần số vô tuyến điện					
01	2.002777	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá.	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng Công nghệ số và Viễn thông	Ủy ban nhân dân tỉnh	
02	2.002778	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá.	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng Công nghệ số và Viễn thông	Ủy ban nhân dân tỉnh	

03	2.002775	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá.	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng Công nghệ số và Viễn thông	Ủy ban nhân dân tỉnh	
04	2.002779	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá.	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng Công nghệ số và Viễn thông	Ủy ban nhân dân tỉnh	
05	2.002781	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư.	- Quyết định số - Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng Công nghệ số và Viễn thông	Ủy ban nhân dân tỉnh	
06	2.002782	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng Công nghệ số và Viễn thông	Ủy ban nhân dân tỉnh	
07	2.002776	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư.	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng Công nghệ số và Viễn thông	Ủy ban nhân dân tỉnh	
08	2.002787	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư.	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng Công nghệ số và Viễn thông	Ủy ban nhân dân tỉnh	

09	2.002783	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế).	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng Công nghệ số và Viễn thông	Ủy ban nhân dân tỉnh	
10	2.002784	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế).	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng Công nghệ số và Viễn thông	Ủy ban nhân dân tỉnh	
11	2.002785	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế).	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng Công nghệ số và Viễn thông	Ủy ban nhân dân tỉnh	
12	2.002786	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế).	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng Công nghệ số và Viễn thông	Ủy ban nhân dân tỉnh	
13	2.002788.H12	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ.	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND - Quyết định số 0122/QĐ-UBND	Phòng Công nghệ số và Viễn thông	Ủy ban nhân dân tỉnh	
14	2.002789.H12	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số	Phòng Công nghệ số và Viễn thông	Ủy ban nhân dân tỉnh	

		tuyển điện nội bộ.	1313/QĐ-UBND - Quyết định số 0122/QĐ-UBND			
15	2.002780	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ.	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng Công nghệ số và Viễn thông	Ủy ban nhân dân tỉnh	
16	2.002790.H12	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ.	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND - Quyết định số 0122/QĐ-UBND	Phòng Công nghệ số và Viễn thông	Ủy ban nhân dân tỉnh	
17	1.013935	Cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư.	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng Công nghệ số và Viễn thông	Ủy ban nhân dân tỉnh	
18	2.002793	Cấp đổi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư.	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng Công nghệ số và Viễn thông	Ủy ban nhân dân tỉnh	
19	2.002791	Cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải.	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng Công nghệ số và Viễn thông	Ủy ban nhân dân tỉnh	

20	2.002792	Cấp đổi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải.	- Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN - Quyết định số 1313/QĐ-UBND	Phòng Công nghệ số và Viễn thông	Ủy ban nhân dân tỉnh	
Tổng cộng		I (58) + II (22) + III (47) + IV (10) + V (7) + VI (24) + VII (20) = 188				

Tổng cộng: 188 TTHC./.